

**TÒA ÁN ND HUYỆN T  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/ HNGĐ- ST

Ngày: 28/4/2021

V/v: Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH THANH HÓA**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Lan – Thẩm phán

*Các hội thẩm nhân dân:* Bà Ngô Thị Mai và ông Trần Xuân Anh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trọng Huỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn** tham gia phiên tòa, ông Đào Hải Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 353/2020/TLST – HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2020, về việc: Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐXX – ST ngày 23 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1983

HKTT: Thôn 2, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Chỗ ở hiện nay: Thôn 9, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

*Bị đơn:* Anh Lê Đình C, sinh năm: 1975

HKTT: Thôn 2, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị T, vắng mặt anh C

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\*Theo đơn khởi kiện ngày 18/11/2020, bản tự khai, lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Hôn nhân: Chị và anh Lê Đình C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã T, huyện T cấp ngày 05/5/2007.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc nên đã có hai con chung, thời gian gần đây vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là

do quan điểm sống của hai vợ chồng không hòa hợp, anh C thường uống rượu về nhà đánh đập vợ, có lần anh còn vác dao lừa vợ, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày dạn nứt, đã rất nhiều lần chị vì các con mà nhẫn nhịn và cố gắng hàn gắn nhưng anh C vẫn không thay đổi. Đến ngày 15/5/2020 mâu thuẫn trầm trọng chị T về nhà bố mẹ đẻ sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không quan tâm đến nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo

Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Diệu L, sinh ngày 10/01/2008 và cháu Lê Khánh N, sinh ngày 16/10/2009. Nay ly hôn do các cháu đã lớn, các cháu có nguyện vọng ở với ai thì người đó sẽ trực tiếp nuôi dưỡng.

Nếu cả hai cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ thì chị T đồng ý nuôi dưỡng cả hai cháu, yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000đ cả hai cháu.

Nếu cả hai cháu có nguyện vọng được ở với bố thì chị T cũng đồng ý để anh C trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu.

- Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tại biên bản lấy lời khai ngày 11 tháng 3 năm 2021 và lời khai tại Tòa án, bị đơn anh Lê Đình C trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn như chị T trình bày là đúng. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc, thỉnh thoảng vợ chồng cũng có xảy ra mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong gia đình. Trước đây vợ chồng có vào Miền Nam làm ăn, đến tết năm 2020 vợ chồng về ăn tết và ở lại quê làm ăn sinh sống, đến tháng 5 năm 2020 vợ chồng có cãi nhau nguyên nhân là do anh có vui cùng bạn bè nên uống rượu về nhà vợ chồng to tiếng với nhau, chị T về nhà bố mẹ đẻ sống. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, cuộc sống của ai người đó tự lo

Nay anh C vẫn còn thương yêu vợ, con nên mong muốn vợ chồng về đoàn tụ. Bản thân anh thấy mình có nhiều việc làm sai trong mối quan hệ vợ chồng nhưng anh hứa sẽ thay đổi để vợ chồng quay về đoàn tụ với nhau.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung như chị T trình bày là đúng. Từ nhỏ vợ chồng đi làm ăn trong Miền Nam vợ chồng gửi hai cháu cho ông bà ngoại nuôi dưỡng, đến tết năm 2020 vợ chồng về quê làm ăn nhưng để thuận lợi cho việc học của các cháu nên vợ chồng vẫn gửi hai cháu cho ông bà ngoại nuôi dưỡng. Nay nếu vợ chồng ly hôn các cháu có nguyện vọng ở với ai thì người đó sẽ nuôi dưỡng.

Nếu hai cháu có nguyện vọng ở với bố thì anh sẽ trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Nếu hai cháu có nguyện vọng ở với mẹ thì anh cũng đồng ý để chị T trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu, anh cấp dưỡng mỗi tháng 5.000.000đ cả hai cháu.

Hiện tại anh đang làm lao động tự do, thu nhập bình quân mỗi tháng từ 10.000.000đ đến 12.000.000đ.

**\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.**

\* Về tố tụng:

Quá trình nhận hồ sơ, thụ lý vụ án và giải quyết vụ án Thẩm phán đã chấp hành và tuân thủ theo đúng quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình đúng theo các quy định của luật tố tụng dân sự.

\* Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử.

- *Hôn nhân*: Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Diệu L, sinh ngày 10/01/2008 và cháu Lê Khánh N, sinh ngày 16/10/2009

Căn cứ vào Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao cả hai cháu cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh C cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi cháu 2.500.000đ/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản*: Chị T không yêu cầu nên không xem xét.

- *Về án phí*: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Anh C phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] *Về tố tụng*:

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Lê Đình C theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, anh C vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

Căn cứ vào khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về hôn nhân*:

Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Đình C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 05 tháng 5 năm 2007, như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh C là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hòa thuận hạnh phúc, thời gian sau vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm, lối sống, cách suy nghĩ của vợ chồng không hòa hợp, anh C hay uống rượu về nhà đánh đập vợ, từ đó vợ chồng thường xảy ra va chạm, sống không có hạnh phúc.

Đến ngày 15/5/2020 mâu thuẫn trầm trọng, chị T về nhà bố mẹ đẻ sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay.

Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Anh C vẫn còn thương yêu chị T và mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ, nhưng anh không đưa ra được giải pháp để vợ chồng đoàn tụ, vợ chồng đã sống ly thân gần 1 năm nay, không quan tâm đến nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo, vì vậy khó có khả năng để cải thiện tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ hôn nhân giữa chị T và anh C đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T. Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Lê Đình C

### *[3] Về con chung:*

Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Diệu L, sinh ngày 10/01/2008 và cháu Lê Khánh N, sinh ngày 16/10/2009. Cả anh C và chị T đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, tuy nhiên do các cháu đã lớn nên chị T và anh C đều thống nhất nếu các cháu có nguyện vọng được ở mẹ thì chị T trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, anh C cấp dưỡng mỗi tháng 5.000.000đ cả hai cháu.

Xét thấy:

Theo đơn đề nghị của cháu Lê Khánh N và cháu Lê Diệu L, cả hai cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ.

Tại biên bản xác minh ngày 02 tháng 4 năm 2021, đại diện chính quyền địa phương cho biết: Từ nhỏ bố mẹ đi làm xa, hai cháu đã sống cùng ông bà ngoại, hiện tại hai cháu đang học tại Trường Trung học cơ sở xã T, sức khỏe, điều kiện sinh hoạt, học tập của các cháu đều tốt.

Để không làm sáo trộn cuộc sống và học tập của các cháu, đáp ứng theo nguyện vọng của hai cháu nên giao cả hai cháu Diệu L và Khánh N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh C cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng 5.000.000đ cả hai cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

### *[4] Về tài sản:*

Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] **Án phí:** Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên :

### **QUYẾT ĐỊNH :**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 , Điều 271, Điều 273 BLTTDS; Điều 56, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý về án phí, lệ phí Tòa án.

- **Về hôn nhân:** Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Lê Đình C.

- **Về con chung:** Giao hai cháu Lê Diệu L, sinh ngày 10/01/2008 và cháu Lê Khánh N, sinh ngày 16/10/2009 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Lê Đình C cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi cháu 2.500.000đ /1 tháng. Kể từ tháng 5 năm 2021 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Anh Lê Đình C được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- **Về án phí:** Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng là 300.000đ tại biên lai số 0004255 ngày 18/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn. Anh Lê Đình C phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận :**

- Tòa án tỉnh;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa.**

- VKS T;
- C.cục thi hành án DS T;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Lê Thị Lan**